ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1007 /UBND-TH V/v báo cáo rà soát phương án phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020	*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2017*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 1686
Ngày: 01/3/17
Chuyển:

HỎA TỐC

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công;

Thực hiện Công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 1186/BKHĐT-TH ngày 17/02/2017 về việc thực hiện Công điện số 226/CĐ-TTg và số 1338/BKHĐT-TH ngày 22/02/2017 về việc rà soát và giải trình bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho một số dự án, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

Tổng vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 đã thông báo cho tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 5.250,491 tỷ đồng, trong đó, phân bổ chi tiết (90%) là 4.725,442 tỷ đồng và dự phòng chưa phân bổ (10%) là 525,049 tỷ đồng. UBND tỉnh đã trình phương án phân bổ vốn NSTW tại Công văn số 7182/UBND-TH ngày 12/12/2016.

Theo Công văn số 1186/BKHĐT-TH ngày 17/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Ngãi là 5.300,491 tỷ đồng (tăng 50 tỷ đồng); trong đó, phân bổ chi tiết 4.770,442 tỷ đồng (tăng 45 tỷ đồng) và dự phòng chưa phân bổ (10%) là 530,049 tỷ đồng (tăng 05 tỷ đồng). UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát, báo cáo phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 của tỉnh như sau:

1. Chương trình mục tiêu

Tổng vốn Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Ngãi theo Công văn số 1186/BKHĐT-TH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là **2.428,56 tỷ đồng** (tăng 45 tỷ đồng), UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

(1) Đối với danh mục chương trình dự án phân bổ chi tiết **2.373,56 tỷ đồng** đã được trung ương thống nhất tại phụ lục số II.a kèm theo Công văn số 1186/BKHĐT-TH: UBND tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên phương án đăng ký kế hoạch vốn; đồng thời, đã thực hiện rà soát số liệu, cập nhật thông tin dự án

(2) Đối với danh mục dự án phân bổ kế hoạch khi chưa có chủ trương đầu tư (tại Phụ lục số II.d kèm theo Công văn số 1186/BKHĐT-TH) là **10 tỷ đồng**: Có 01 dự án thuộc danh mục này là dự án Trung tâm Nội tiết tỉnh với kế hoạch vốn trung hạn dự kiến phân bổ là 10 tỷ đồng. Dự án này đã được phê duyệt Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 *(theo ý kiến thẩm định nguồn vốn tại Công văn số 9457/BKHĐT-LĐXH ngày 30/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).* UBND tỉnh Quảng Ngãi gửi kèm Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 theo Công văn này và kính đề nghị trung ương xem xét, chấp thuận phân bổ 10 tỷ đồng cho dự án theo phương án tỉnh đã đăng ký.

(3) Đối với 45 tỷ đồng được trung ương bổ sung tại Công văn số 1186/BKHĐT-TH: Tại Công văn số 686/UBND-TH ngày 13/02/2017, tỉnh Quảng Ngãi đã trình đề xuất Trung ương xem xét bổ sung kế hoạch vốn thực hiện một số dự án lớn mà tỉnh không đủ nguồn để cân đối, trong đó có dự án Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn (giai đoạn 1). Do đó, tỉnh Quảng Ngãi dự kiến phân bổ 45 tỷ đồng này bổ sung thực hiện dự án Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn (giai đoạn 1), nâng tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 bố trí để thực hiện dự án này là 75 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Biểu mẫu số I đính kèm)

Đồng thời, theo Công văn số 1338/BKHĐT-TH ngày 22/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát và giải trình bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho một số dự án, tỉnh Quảng Ngãi có 06 dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 nhưng dự kiến bố trí kế hoạch vốn còn thấp (thiếu trên 20% tổng mức đầu tư); UBND tỉnh Quảng Ngãi giải trình như sau:

(1) Đối với 02 dự án: Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi – Chợ Chùa và Đường Ba Tơ- Ba Trang – Ba Khâm, UBND tỉnh Quảng Ngãi cam kết bố trí từ nguồn vốn ngân sách địa phương để đảm bảo hoàn thành dự án theo đúng tiến độ được phê duyệt (đưa vào biểu mẫu số I, đúng quy định).

(2) Đối với 02 dự án: Nâng cao năng lực PCCC rừng tỉnh Quảng Ngãi và Tuyến đường trục vào KCN Dung Quất phía Đông: UBND tỉnh Quảng Ngãi dự kiến điều chỉnh lại quy mô dự án nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tiết kiệm vốn ngân sách nhà nước (Chi tiết theo biểu mẫu số VI đính kèm).

(3) Đối với 02 dự án: Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi và đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn: UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị triển khai dự án đến điểm dừng kỹ thuật, đảm bảo phù hợp với kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020 đã đăng ký với Trung ương.

2. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

Theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 là 2.282,232 tỷ đồng; bao gồm:

- Chương trình xây dựng nông thôn mới là 898,2 tỷ đồng.

- Chương trình giảm nghèo bền vững là 1.382,032 tỷ đồng. Trong đó: thu hồi các khoản ứng trước NSTW là 110,837 tỷ đồng, còn lại phân bổ cho các dự án là 1.271,195 tỷ đồng.

3. Vốn ODA

Căn cứ thông báo số vốn dự kiến được Bộ Kế hoạch và Đầu tư nêu tại Phụ lục IIb Công văn số 1186/BKHĐT-TH thì số vốn nước ngoài dự kiến phân bổ chi tiết 90% là 518.927 triệu đồng, gồm:

- 02 dự án do tỉnh giao kế hoạch vốn: 246.896 triệu đồng.

- 03 dự án thuộc chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: 28.257 triệu đồng.

- 05 dự án ô theo đề xuất của Bộ, ngành chủ quản: 243.774 triệu đồng.

UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát và báo cáo số liệu, bổ sung các thông tin của dự án, trong đó:

+ Dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài trung hạn giai đoạn 2016-2020 vẫn theo số vốn thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Dự kiến vốn đối ứng ghi theo phương án phân bổ dự kiến của tỉnh (Chi tiết có Biểu mẫu số IV kèm theo)

4. Vốn trái phiếu chính phủ

Tổng vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2016 2020 của tỉnh được Trung ương thông báo tại Công văn số 1186/BKHĐT-TH là 1.435,5 tỷ đồng; trong đó:

Kế hoạch bố trí cho dự án cầu Cửa Đại là 1.350,0 tỷ đồng, dự án vừa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định vốn tại Báo cáo số 1291/BC-BKHĐT ngày 21/02/2017. Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đang điều chỉnh dự án theo ý kiến thẩm định vốn, sẽ phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án trong tháng 03 năm 2017.

Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo và tiểu học là 85,5 tỷ đồng: UBND tỉnh Quảng Ngãi đang hoàn chỉnh thủ tục chủ trương đầu tư để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định vốn và phê duyệt trong tháng 03 năm 2017.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:
- Như trên (02 bản)
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng N/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, TH (ldvu63).

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Tỉnh Quảng Ngãi

Biểu mẫu số I

RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020 ĐÚNG QUY ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số 1007/UBND-TH ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: *Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Thông tin dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản số 1186/BKHĐT-TH										UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát thông tin, số liệu của dự án										Ghi chú
		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
	TỔNG SỐ					**7.392.603**	**6.205.486**	**1.197.982**	**1.036.082**	**5.345.491**	**427.339**	**48.250**					**7.388.513**	**6.201.396**	**1.197.982**	**1.036.082**	**5.300.491**	**427.339**	**48.250**	
	PHÂN BỔ CHI TIẾT (90%)					**7.392.603**	**6.205.486**	**1.197.982**	**1.036.082**	**4.715.442**	**427.339**	**48.250**	-	-	-	-	**7.388.513**	**6.201.396**	**1.197.982**	**1.036.082**	**4.770.442**	**427.339**	**48.250**	
A	Danh mục dự án bố trí đúng quy định					7.392.603	6.205.486	1.197.982	1.036.082	4.715.442	427.339	48.250					7.388.513	6.201.396	1.197.982	1.036.082	4.770.442	427.339	48.250	
I	**VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**					-	-	-	-	**2.280.232**	**110.837**	-					-	-	-	-	**2.280.232**	**110.837**	-	
+	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới									898.200											898.200			
+	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững									1.382.032	110.837										1.382.032	110.837		
II	**HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG THEO QĐ 22/QĐ-TTG**									61.650											61.650			
III	**VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**					**7.392.603**	**6.205.486**	**1.197.982**	**1.036.082**	**2.373.560**	**316.502**	**48.250**					**7.388.513**	**6.201.396**	**1.197.982**	**1.036.082**	**2.428.560**	**316.502**	**48.250**	
	BỐ TRÍ HOÀN TRẢ VỐN ỨNG TRƯỚC					-	-	-	-	**316.502**	**316.502**						-	-	-	-	**316.502**	**316.502**		
1	Vốn đối ứng các dự án ODA									8.571	8.571										8.571	8.571		
2	Kè đường giao thông liên huyện (ĐT 623) dọc sông Rin thuộc thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà									5.000	5.000										5.000	5.000		
3	Kè chống sạt lở xã An Bình huyện Lý Sơn									27.741	27.741										27.741	27.741		
4	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn giai đoạn 2									10.000	10.000										10.000	10.000		
5	Tạm ứng vốn NSTW năm 2009 và 2010 để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất									44.000	44.000										44.000	44.000		
6	Ứng trước dự toán NSNN năm 2010, 2011 để xây dựng hạ tầng KKT Dung Quất									40.862	40.862										40.862	40.862		
7	Tạm ứng NSTW năm 2009 để đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi									180.328	180.328										180.328	180.328		
*	**PHÂN BỔ CHI TIẾT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**					**7.392.603**	**6.205.486**	**1.197.982**	**1.036.082**	**2.057.058**	-	**48.250**					**7.388.513**	**6.201.396**	**1.197.982**	**1.036.082**	**2.112.058**	-	**48.250**	
	Bố trí các dự án chuyển tiếp từ 2015 và các dự án đã KCM 2016					5.696.062	4.693.197	1.197.982	1.036.082	1.684.048	-	48.250					5.696.062	4.693.197	1.197.982	1.036.082	1.684.048	-	48.250	
	Bố trí khởi công mới giai đoạn 2017-2020					1.696.541	1.512.289	-	-	373.010	-	-					1.692.451	1.508.199	-	-	428.010	-		
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					**2.409.928**	**1.894.219**	**560.325**	**434.375**	**707.646**	-	-					**2.409.928**	**1.894.219**	**560.325**	**434.375**	**752.646**	-	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					***1.197.678***	***788.221***	***560.175***	***434.375***	***292.558***	-	-					***1.197.678***	***788.221***	***560.175***	***434.375***	***292.558***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					***1.197.678***	***788.221***	***560.175***	***434.375***	***292.558***	-	-					***1.197.678***	***788.221***	***560.175***	***434.375***	***292.558***	-	-	
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	184.175	126.375	110.100			TP. Quảng Ngãi	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	184.175	126.375	110.100			
2	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	TP. Quảng Ngãi	100ha	2012-2016	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	270.400	268.000	220.000	30.200			TP. Quảng Ngãi	100ha	2012-2016	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	270.400	268.000	220.000	30.200			
3	Hồ chứa nước Cty Xoki	Đức Phổ	Tưới 70ha, cấp nước SH 900m3/ngđ	2012-2015	206/QĐ-UBND, 29/01/2011	47.466	36.400	22.000	22.000	8.500			Đức Phổ	Tưới 70ha, cấp nước SH 900m3/ngđ	2012-2015	206/QĐ-UBND, 29/01/2011	47.466	36.400	22.000	22.000	8.500			
4	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	Sơn Tây	945,85m	2015-2018	1604/QĐ-UBND 30/10/2014	67.079	35.000	22.000	7.000	25.258			Sơn Tây	945,85 m	2015-2018	1604/QĐ-UBND 30/10/2014	67.079	35.000	22.000	7.000	25.258			

STT	Danh mục dự án	Thông tin dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản số 1186/BKHĐT-TH										UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát thông tin, số liệu của dự án										Ghi chú
		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
5	Đường Lê Văn Sỹ giai đoạn 1	TP. Quảng Ngãi	450m	2015-2017	1608/QĐ-UBND 30/10/2014	49.482	39.000	14.000	9.000	26.000			TP. Quảng Ngãi	450m	2015-2017	1608/QĐ-UBND 30/10/2014	49.482	39.000	14.000	9.000	26.000			
6	Đường trung tâm huyện - UBND xã An Hải	Lý Sơn	2.037,0 m	2015-2016	1607/QĐ-UBND 30/10/2014	49.899	39.919	20.000	20.000	17.500			Lý Sơn	2.037,0 m	2015-2016	1607/QĐ-UBND 30/10/2014	49.899	39.919	20.600	20.000	17.500			
7	Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vĩnh-Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	30.000	30.000	75.000			Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	30.000	30.000	75.000			
	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***1.212.250***	***1.105.998***	***150***	-	***415.088***	-	-					***1.212.250***	***1.105.998***	***150***	-	***468.088***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					***647.417***	***577.417***	***150***	-	***367.245***	-	-					***647.417***	***577.417***	***150***	-	***367.245***	-	-	
8	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	Bình Sơn	5.500m	2016-2020	1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	-	-	72.397			Bình Sơn	5.500m	2016-2020	1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	-	-	72.397			
9	Đường Ba Bích - Ba Nam	Ba Tơ	10,22km	2016-2020	1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998	-	-	83.998			Ba Tơ	10,22k m	2016-2020	1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998	-	-	83.998			
10	Cảng Bến Đình	Lý Sơn	Tàu 1000DWT và tàu 200 ghế	2016-2020	495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	200.000	130.000	150	-	100.000			Lý Sơn	Tàu 1000D WT và tàu 200 ghế	2016-2020	495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	200.000	130.000	150	-	100.000			
11	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa	Tư Nghĩa, Nghĩa Hành	4,94km	2017-2020		146.978	146.978			70.850			Tư Nghĩa, Nghĩa Hành	4,94km	2017-2020	2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	146.978	146.978			70.850			Cam kết sử dụng vốn NSĐP hoàn thành dự án theo đúng tiến độ được phê duyệt
12	Đường Ba Tơ - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	Ba Tơ, Đức Phổ	19,7 km	2017-2020		120.000	120.000			40.000			Ba Tơ, Đức Phổ	19,7 km	2017-2020		120.000	120.000			40.000			Cam kết sử dụng vốn NSĐP hoàn thành dự án theo đúng tiến độ được phê duyệt
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020					***564.833***	***528.581***	-	-	***47.843***	-	-					***564.833***	***528.581***	-	-	***92.843***	-	-	
13	Hồ chứa nước Suối Đá	Nghĩa Hành	Tưới 300ha	2019-2023		96.252	60.000			7.843			Nghĩa Hành	622.158 m3	2019-2023	2061/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	96.252	60.000			7.843			
14	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	Lý Sơn	1,5km	2018-2021		130.000	130.000			10.000			Lý Sơn	1,2km	2018-2021	1825/QĐ-UBND ngày 07/10/2016	130.000	130.000			10.000			
15	Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn (giai đoạn 1)			2019-2022	1614/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	338.581	338.581			30.000			Lý Sơn		2019-2022	1614/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	338.581	338.581			75.000			Đăng ký bổ sung 45 tỷ đồng cho dự án này
II	**Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững**					**559.097**	**512.147**	**99.150**	**98.200**	**237.304**	-	**46.000**					**559.097**	**512.147**	**99.150**	**98.200**	**237.304**	-	**46.000**	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					***401.097***	***400.147***	***99.150***	***98.200***	***227.304***	-	***46.000***					***401.097***	***400.147***	***99.150***	***98.200***	***227.304***	-	***46.000***	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020																							
16	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Đảo Lý Sơn	500 tàu cỡ CS 400CV	2012-2016	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010	401.097	400.147	99.150	98.200	227.304		46.000	Đảo Lý Sơn	500 tàu cỡ CS 400CV	2012-2016	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010	401.097	400.147	99.150	98.200	227.304		46.000	
	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***158.000***	***112.000***	-		***10.000***	-	-					***158.000***	***112.000***	-		***10.000***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020																							

STT	Danh mục dự án	Thông tin dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản số 1186/BKHDT-TH										UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát thông tin, số liệu của dự án										Ghi chú
		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHDT-TH			Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHDT-TH			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
17	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	TP. Quảng Ngãi		2018-2022		158.000	112.000			10.000			TP. Quảng Ngãi	kè dài khoảng 500m và 02 đê chắn cát dài 725m	2018-2022	1877/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	158.000	112.000			10.000			
III	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững					**60.928**	**45.000**	-	-	**25.000**	-	-					**60.928**	**45.000**	-	-	**25.000**	-	-	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***60.928***	***45.000***	-	-	***25.000***	-	-					***60.928***	***45.000***	-	-	***25.000***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					c																		
18	Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	nhiều mục tiêu	2016-2020	139/QĐ-UBND, 22/01/2016	60.928	45.000			25.000			Toàn tỉnh	nhiều mục tiêu	2016-2020	139/QĐ-UBND, 22/01/2016	60.928	45.000			25.000			Điều chỉnh giảm quy mô dự án để phù hợp với thực tế
IV	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					**271.999**	**167.799**	**14.000**	**14.000**	**132.000**	-	-					**271.999**	**167.799**	**14.000**	**14.000**	**132.000**	-	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					***21.999***	***19.799***	***14.000***	***14.000***	***5.000***	-	-					***21.999***	***19.799***	***14.000***	***14.000***	***5.000***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020																							
19	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn	Đảo Lý Sơn	Công suất 1000m3/ Ngày đêm	2014-2016	1542/QĐ-UBND, 25/10/2013; 404/QĐ-UBND 17/3/2016	21.999	19.799	14.000	14.000	5.000			Đảo Lý Sơn	Công suất 1000m3 / Ngày đêm	2014-2016	1542/QĐ-UBND, 25/10/2013; 404/QĐ-UBND 17/3/2016	21.999	19.799	14.000	14.000	5.000			
	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***250.000***	***148.000***	-	-	***127.000***	-	-					***250.000***	***148.000***	-	-	***127.000***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					***80.000***	***80.000***	-	-	***67.000***	-	-					***80.000***	***80.000***	-	-	***67.000***	-	-	
20	Đê Phổ Minh (giai đoạn 1)	Đức Phổ		2016-2020	1966a/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000	-	-	67.000			Đức Phổ		2016-2020	1966a/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000	-	-	67.000			
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020					***170.000***	***68.000***	-	-	***60.000***	-	-					***170.000***	***68.000***	-	-	***60.000***	-	-	
21	Các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trì Bình	Bình Sơn	281,6m	2018-2021		170.000	68.000			60.000			Bình Sơn	281,6m	2017-2021	2031/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	170.000	68.000			60.000			
V	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo					**806.043**	**806.043**	-	-	**67.000**	-	-					**806.043**	**806.043**	-	-	**67.000**	-	-	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***806.043***	***806.043***	-	-	***67.000***	-	-					***806.043***	***806.043***	-	-	***67.000***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020					***806.043***	***806.043***	-	-	***67.000***	-	-					***806.043***	***806.043***	-	-	***67.000***	-	-	
22	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	Toàn tỉnh		2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	806.043			67.000			Toàn tỉnh		2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	806.043			67.000			Triển khai thực hiện theo kế hoạch vốn được giao
VI	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					**1.863.630**	**1.439.191**	**404.000**	**399.000**	**550.536**	-	-					**1.863.506**	**1.439.067**	**404.000**	**399.000**	**550.536**	-	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					***1.193.229***	***768.790***	***404.000***	***399.000***	***353.700***	-	-					***1.193.229***	***768.790***	***404.000***	***399.000***	***353.700***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					***1.193.229***	***768.790***	***404.000***	***399.000***	***353.700***	-	-					***1.193.229***	***768.790***	***404.000***	***399.000***	***353.700***	-	-	
23	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	300.000	190.000	190.000	110.000			Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	300.000	190.000	190.000	110.000			
24	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.712	110.000	105.000	102.700			Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.712	110.000	105.000	102.700			

STT	Danh mục dự án	Thông tin dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản số 1186/BKHĐT-TH										UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát thông tin, số liệu của dự án										Ghi chú
		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH			Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
25	Dự án Cầu Trì Bông (trên tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất)	Bình Sơn	450 m	2014-2017	1605/QĐ-UBND, 31/10/2013	287.461	200.000	89.000	89.000	111.000			Bình Sơn	450 m	2014-2017	1605/QĐ-UBND, 31/10/2013	287.461	200.000	89.000	89.000	111.000			
26	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)	Bình Sơn	3,5ha (88 lô TDC)	2015-2016	1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	61.078	61.078	15.000	15.000	30.000			Bình Sơn	3,5ha (88 lô TDC)	2015-2016	1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	61.078	61.078	15.000	15.000	30.000			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***670.401***	***670.401***	-	-	***196.836***	-	-					***670.277***	***670.277***	-	-	***196.836***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					***239.531***	***239.531***	-	-	***100.000***	-	-					***239.531***	***239.531***	-	-	***100.000***	-	-	
27	Các tuyến đường trục vào KCN tập trung Dung Quất phía Đông	Bình Sơn	2,7 km	2016-2020	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.531	239.531			100.000			Bình Sơn	2,7 km	2016-2020	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.531	239.531			100.000			Điều chỉnh giảm quy mô dự án để phù hợp với thực tế
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020					***430.870***	***430.870***	-	-	***96.836***	-	-					***430.746***	***430.746***	-	-	***96.836***	-	-	
28	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1	Bình Sơn	1,1km	2018-2021		147.000	147.000			40.000			Bình Sơn	1,5km	2018-2021	2671/QĐ-UBND ngày 19/12/2016	146.876	146.876			40.000			
29	Tuyến đường Dốc Sỏi - phía Nam sân bay Chu Lai	Bình Sơn	2,4km	2019-2022		161.820	161.820			20.000			Bình Sơn	2,4km	2019-2022	2201/QĐ-UBND ngày 08/11/2016	161.820	161.820			20.000			
30	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải KCN Dung Quất phía Tây, giai đoạn 1	Bình Sơn	15km	2019-2022	1873/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	122.050	122.050			36.836			Bình Sơn	15km	2019-2022	1873/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	122.050	122.050			36.836			
VII	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số					**50.000**	**50.000**	-	-	-	-	-					**50.000**	**50.000**	-	-	**10.000**	-		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***50.000***	***50.000***	-	-	-	-	-					***50.000***	***50.000***	-	-	***10.000***	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020																							
31	Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	TPQN	3.252 m2	2019-2022		50.000	50.000						TPQN	3.252 m2	2019-2022	1875/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	50.000	50.000			10.000			Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: 1875/QĐ-UBND ngày 10/10/2016
VIII	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch					**173.007**	**93.116**	**50.707**	**20.707**	**63.980**	-	-					**169.041**	**89.150**	**50.707**	**20.707**	**63.980**	-	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					***117.147***	***37.256***	***50.707***	***20.707***	***16.499***	-	-					***117.147***	***37.256***	***50.707***	***20.707***	***16.499***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					***117.147***	***37.256***	***50.707***	***20.707***	***16.499***	-	-					***117.147***	***37.256***	***50.707***	***20.707***	***16.499***	-	-	
32	Đường trục chính KDL Sa Huỳnh (nối dài)	Đức Phổ	4,2 km	2013-2016	1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	37.256	50.707	20.707	16.499			Đức Phổ	4,2 km	2013-2016	1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	37.256	50.707	20.707	16.499			
	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***55.860***	***55.860***	-	-	***47.481***	-	-					***51.894***	***51.894***	-	-	***47.481***	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020					***55.860***	***55.860***	-	-	***47.481***	-	-					***51.894***	***51.894***	-	-	***47.481***	-	-	
33	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	TP. Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,7km	2017-2020		55.860	55.860			47.481			TP. Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,5km	2017-2020	115/QĐ-UBND ngày 23/01/2017	51.894	51.894			47.481			
IX	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm					**509.971**	**509.971**	**69.800**	**69.800**	**20.000**	-	-					**509.971**	**509.971**	**69.800**	**69.800**	**20.000**	-	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020																							
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020					***509.971***	***509.971***	***69.800***	***69.800***	***20.000***	-	-					***509.971***	***509.971***	***69.800***	***69.800***	***20.000***	-	-	

STT	Danh mục dự án	Thông tin dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản số 1186/BKHDT-TH										UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát thông tin, số liệu của dự án										Ghi chú
		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHDT-TH			Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHDT-TH			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
34	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Q.Ngãi G.đoạn 2010 - 2015	Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha		1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	69.800	69.800	20.000			Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha		1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	69.800	69.800	20.000			Triển khai thực hiện theo kế hoạch vốn được giao
X	**Chương trình mục tiêu Biển Đông-Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo**					**688.000**	**688.000**	-	-	**253.592**	-	**2.250**					**688.000**	**688.000**	-	-	**253.592**	-	**2.250**	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					***688.000***	***688.000***	-	-	***253.592***	-	***2.250***					***688.000***	***688.000***	-	-	***253.592***	-	***2.250***	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020					***688.000***	***688.000***	-	-	***253.592***	-	***2.250***					***688.000***	***688.000***	-	-	***253.592***	-	***2.250***	
35	Đường cơ động phía đông nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3)	Tỉnh Quảng Ngãi	4.433m đường và sửa chữa bến cập tàu	2016-2020	2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	688.000	688.000			253.592		2.250	Tỉnh Quảng Ngãi	4.433m đường và sửa chữa bến cập tàu	2016-2020	2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	688.000	688.000			253.592		2.250	Triển khai đến điểm dừng kỹ thuật, phù hợp với kế hoạch vốn được giao
B	**DỰ PHÒNG 10%**									**530.049**											**530.049**			

vào dự phòng NSTW theo quy định Nghị quyết của Quốc hội.

Tỉnh Quảng Ngãi

Biểu mẫu số IV

HÌNH THÔNG TIN DANH MỤC VÀ BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2016-2020 ĐÚNG QUY ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số 1007 /UBND-TH ngày 28 /02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

Số quyết định	Thông tin dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH																							
	Quyết định đầu tư (hoặc điều chỉnh) của cấp có thẩm quyền đã được TTg giao kế hoạch các năm							Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 [4]						Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016						Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đúng quy định đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại văn bản 1186/BKHĐT-TH					
	TMĐT							Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:					
	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Vốn đối ứng [2]				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt) [3]	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Vốn đối ứng [2]				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt) [3]	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) [1]	Vốn đối ứng [2]				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt) [3]
		Vốn đối ứng [2]			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) [3]				Tổng số [1]	Trong đó					Trong đó						Trong đó			
		Tổng số [1]	Trong đó:		Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt				NSTW	TPCP	Các nguồn vốn khác			NSTW	TPCP	Các nguồn vốn khác			NSTW		TPCP		
			NSTW	Các nguồn vốn khác		Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW													Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước	
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	1.962.537	305.754	62.193	243.761	-	1.656.783	1.576.833	290.520	61.351	11.844	3.700	45.807	229.169	216.761	45.229	11.844	3.700	9.229	171.532	767.824	33.897	-	-	-	-	791.586
	1.962.537	305.754	62.193	243.761	-	1.656.783	1.576.833	290.520	61.351	11.844	3.700	45.807	229.169	216.761	45.229	11.844	3.700	9.229	171.532	767.824	33.897	-	-	-	-	733.927
	1.257.724	145.842	61.993	83.849	-	1.111.882	1.031.932	150.885	24.573	11.844	3.500	9.229	126.312	148.483	24.573	11.844	3.500	9.229	123.910	576.733	12.537	-	-	-	-	564.196
	919.999	128.067	61.993	66.074	-	791.932	791.932	150.885	24.573	11.844	3.500	9.229	126.312	148.483	24.573	11.844	3.500	9.229	123.910	436.733	12.537	-	-	-	-	424.196
	919.999	*128.067*	*61.993*	*66.074*	-	*791.932*	*791.932*	*150.885*	*24.573*	*11.844*	*3.500*	*9.229*	*126.312*	*148.483*	*24.573*	*11.844*	*3.500*	*9.229*	*123.910*	*436.733*	*12.537*	-	-	-	-	*424.196*
	630.399	*83.311*	*40.615*	*44.696*		*545.088*	*545.088*	*74.038*	*17.067*	*8.844*	*3.500*	*4.723*	*56.971*	*71.636*	*17.067*	*8.844*	*3.500*	*4.723*	*54.569*	*371.733*	*12.537*	-	-	-	-	*359.196*
1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013; 2012/QĐ-UBND ngày 15/12/2014	337.818	18.477	9.239	9.238	15,206 triệu USD	319.341	319.341	24.240	5.940	1.298	3.500	1.142	18.300	21.838	5.940	1.298	3.300	1.142	15.898	221.733	12.537	-	-	-	-	209.196
2113/QĐ-UBND ngày 30/12/2013; 2039/QĐ-UBND ngày 17/12/2014; 2200/QĐ-UBND ngày 31/12/2013; 2037/QĐ-UBND ngày 17/12/2014; 2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2015	292.581	66.834	31.376	35.458	9,94 triệu USD	225.747	225.747	49.798	11.127	7.546	-	3.581	38.671	49.798	11.127	7.546	-	3.581	38.671	150.000	-	-	-	-	-	150.000
	289.600	*42.756*	*21.378*	*21.378*		*246.844*	*246.844*	*76.847*	*7.506*	*3.000*	-	*4.506*	*69.341*	*76.847*	*7.506*	*3.000*	-	*4.506*	*69.341*	*65.000*	-	-	-	-	-	*65.000*
1417/QĐ-UBND ngày 26/9/2012; 2121/QĐ-UBND ngày 17/12/2014	289.600	42.756	21.378	21.378	914 triệu Yên	246.844	246.844	76.847	7.506	3.000	-	4.506	69.341	76.847	7.506	3.000	-	4.506	69.341	65.000	-	-	-	-	-	65.000
	337.725	17.775	-	17.775	0	319.950	240.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	140.000	-	-	-	-	-	140.000
	337.725	*17.775*	-	*17.775*		*319.950*	*240.000*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*140.000*	-	-	-	-	-	*140.000*
4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	337.725	17.775	-	17.775	14,22 triệu USD	319.950	240.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	140.000	-	-	-	-	-	140.000
	158.707	50.445	200	50.445	0	108.262	108.262	67.513	20.656	-	200	20.456	46.857	66.500	20.656	-	200	-	45.844	75.001	21.360	-	-	-	-	53.641

	Trong đó:																					
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020							*205.980*	*56.947*		*56.947*		*149.033*	*149.033*	*72.122*	*16.122*			*16.122*	*56.000*	*1.778*	
1	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Các xã: Bình Phước, Bình Đông, Bình Trị, huyện Bình Sơn	107,448 ha	2015-2019	Nhiều nhà tài trợ		1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.077	2.044		2.044	0,86 triệu USD	19.033	19.033	8.000					8.000	267	
2	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã tỉnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015-2017	Nhiều nhà tài trợ		1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	184.903	54.903		54.903	5,9 triệu USD	130.000	130.000	64.122	16.122			16.122	48.000	1.511	
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020							214.000	20.000		20.000	0	194.000	194.000								
	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020							*214.000*	*20.000*		*20.000*		*194.000*	*194.000*								
1	Xây dựng tuyến đê biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại khu vực thôn Thanh Đức, xã Phổ Thanh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	1.850 m kè	2017-2020	Chưa phê duyệt			214.000	20.000		20.000	5,33 triệu USD	194.000	194.000								
B	DỰ PHÒNG CHI 10%																					

Tỉnh Quảng Ngãi

Biểu mẫu số V

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO TIẾN ĐỘ ĐƯỢC DUYỆT

(Kèm theo Công văn số 1007/UBND-TH ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh cuối cùng (nếu có) của TTg giao kế hoạch					Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015[1]					Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020					Số vốn còn thiếu cần tiếp tục bố trí trong giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số	NSTW		NSĐP		Tổng số	NSTW		NSĐP		Tổng số	NSTW		NSĐP		Tổng số	NSTW		NSĐP	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					**1.373.703**	**1.189.451**	**1.189.451**	**-**	**184.252**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**299.679**	**269.679**	**269.679**	**-**	**30.000**	**1.074.024**	**909.772**	**909.772**	**-**	**164.252**	
I	**Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng**					**564.833**	**528.581**	**528.581**	**-**	**36.252**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**102.843**	**92.843**	**92.843**	**-**	**10.000**	**461.990**	**425.738**	**425.738**	**-**	**36.252**	
1	Hồ chứa nước Suối Đá	Nghĩa Hành	Tưới 300ha	2019-2023	2061/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	96.252	60.000	60.000		36.252						7.843	7.843	7.843			88.409	52.157	52.157	-	36.252	
2	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	Lý Sơn	1,5km	2018-2021	1825/QĐ-UBND ngày 07/10/2016	130.000	130.000	130.000								10.000	10.000	10.000			120.000	120.000	120.000	-	-	
3	Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn (giai đoạn 1)	Lý Sơn		2019-2022	1614/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	338.581	338.581	338.581								85.000	75.000	75.000		10.000	253.581	253.581	253.581	-		
II	**Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững**					**158.000**	**112.000**	**112.000**	**-**	**46.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.000**	**10.000**	**10.000**	**-**	**-**	**148.000**	**102.000**	**102.000**	**-**	**46.000**	
4	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	TP. Quảng Ngãi		2018-2022	1877/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	158.000	112.000	112.000		46.000						10.000	10.000	10.000			148.000	102.000	102.000	-	46.000	
III	**Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư**					**170.000**	**68.000**	**68.000**	**-**	**102.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**80.000**	**60.000**	**60.000**	**-**	**20.000**	**90.000**	**8.000**	**8.000**	**-**	**82.000**	
5	Các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trì Bình	Bình Sơn	281,6m	2018-2021	2031/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	170.000	68.000	68.000		102.000						80.000	60.000	60.000		20.000	90.000	8.000	8.000	-	82.000	
IV	**Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**					**430.870**	**430.870**	**430.870**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**96.836**	**96.836**	**96.836**	**-**	**-**	**334.034**	**334.034**	**334.034**	**-**	**-**	
6	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1	Bình Sơn	1,1km	2018-2021		147.000	147.000	147.000								40.000	40.000	40.000			107.000	107.000	107.000	-	-	
7	Tuyến đường Dốc Sỏi - phía Nam sân bay Chu Lai	Bình Sơn	2,4km	2019-2022		161.820	161.820	161.820								20.000	20.000	20.000			141.820	141.820	141.820	-	-	
8	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải KCN Dung Quất phía Tây, giai đoạn 1	Bình Sơn	15km	2019-2022	1873/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	122.050	122.050	122.050								36.836	36.836	36.836			85.214	85.214	85.214	-	-	
V	**Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số**					**50.000**	**50.000**	**50.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.000**	**10.000**	**10.000**	**-**	**-**	**40.000**	**40.000**	**40.000**	**-**	**-**	
9	Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	3.252 m2	2019-2022		50.000	50.000	50.000								10.000	10.000	10.000			40.000	40.000	40.000	-	-	

Ghi chú: (1) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015, bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm số vốn ứng trước chưa bố trí kế hoạch để thu hồi.

Tỉnh Quảng Ngãi

Biểu mẫu số VI

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN GIÃN TIẾN ĐỘ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN DO KHÔNG CÂN ĐỐI ĐỦ VỐN THEO TIẾN ĐỘ ĐƯỢC DUYỆT

(Kèm theo Công văn số 1007/UBND-TH ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án điều chỉnh QĐ đầu tư (nếu có) đã được TTg giao kế hoạch các năm					Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015[1]					Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020					Số vốn còn thiếu cần tiếp tục bố trí trong giai đoạn sau					Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
							Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
	TỔNG SỐ					**2.304.473**	**2.288.545**	**2.288.545**	**0**	**15.928**	**69.800**	**69.800**	**69.800**	**0**	**0**	**482.592**	**465.592**	**465.592**	**0**	**17.000**	**1.752.081**	**1.736.153**	**1.736.153**	**0**	**15.928**	
I	**Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững**					**60.928**	**45.000**	**45.000**	**-**	**15.928**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**25.000**	**25.000**	**25.000**	**-**	**-**	**35.928**	**20.000**	**20.000**	**-**	**15.928**	
1	Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	Nhiều mục tiêu	2016-2020	139/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	60.928	45.000	45.000		15.928	0	0	0	0	0	25.000	25.000	25.000			35.928	20.000	20.000	0	15.928	Điều chỉnh giảm quy mô
II	**Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo**					**806.043**	**806.043**	**806.043**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**84.000**	**67.000**	**67.000**	**-**	**17.000**	**722.043**	**722.043**	**722.043**	**-**	**-**	
2	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	Toàn tỉnh		2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	806.043	806.043								84.000	67.000	67.000		17.000	722.043	722.043	722.043			Tiến độ triển khai theo kế hoạch vốn được giao
III	**Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**					**239.531**	**239.531**	**239.531**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**100.000**	**100.000**	**100.000**	**-**	**-**	**139.531**	**139.531**	**139.531**	**-**	**-**	
3	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	Bình Sơn	2,7km	2016-2020	1967e/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	239.531	239.531	239.531								100.000	100.000	100.000			139.531	139.531	139.531			Điều chỉnh giảm quy mô
IV	**Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm**					**509.971**	**509.971**	**509.971**	**0**	**0**	**69.800**	**69.800**	**69.800**	**0**	**0**	**20.000**	**20.000**	**20.000**	**0**	**0**	**420.171**	**420.171**	**420.171**	**0**	**0**	
4	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Q.Ngãi G.đoạn 2010-2015	Toàn tỉnh	20.200 ha		1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	509.971			69.800	69.800	69.800			20.000	20.000	20.000			420.171	420.171	420.171			Tiến độ triển khai theo kế hoạch vốn được giao
V	**Chương trình mục tiêu Biển Đông-Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo**					**688.000**	**688.000**	**688.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**253.592**	**253.592**	**253.592**	**0**	**0**	**434.408**	**434.408**	**434.408**	**0**	**0**	
5	Đường cơ động phía đông nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3)	Lý Sơn	4.433m đường và sửa chữa bến cập tàu	2016-20	2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	688.000	688.000	688.000								253.592	253.592	253.592			434.408	434.408	434.408			

Ghi chú: (1) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015, bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm số vốn ứng trước chưa bố trí kế hoạch để thu hồi.